

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 910/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2018

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý
2. Ông Nguyễn Phúc Duy Khang

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Văn Đoàn – Thư ký Toà án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Bá Thu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận Thủ Đức đã xét xử công khai vụ án thụ lý số 254/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1986.

Địa chỉ thường trú: 81/4 đường A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 718/23/4 đường A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ thường trú: 81/4 đường A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 12 tháng 3 năm 2018, bản tự khai, các biên bản khác và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:

+ Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết

hôn số 59, quyền số 02 do UBND phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/6/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống tại 81/4 Gò Dưa, khu phố 3, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc. Sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc và tình cảm. Rất nhiều lần, cả hai đã ngồi nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình và nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn giữa hai bên vẫn không được cải thiện. Vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, sự chia sẻ và cảm thông. Ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không còn quan tâm chăm sóc cho gia đình. Nay tại Tòa, bà xác định không còn tình cảm với ông T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn dứt khoát với ông T để bà ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Sơn Hiền, sinh ngày: 21/10/2010. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì mâu thuẫn nên bà không còn chung sống với gia đình chồng và đã chuyển đến sống cùng gia đình tại số 718/23/4 Quốc lộ 13, khu phố 4, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì ông T và gia đình ông T không đồng ý cho cháu Hiền theo ở với bà nên cháu Hiền đang ở với ông T. Thu nhập của bà ổn định, từ khoảng 7.000.000 (Bảy triệu) đến 9.000.000 (Chín triệu) đồng/tháng, có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Chi phí hàng tháng của cháu Hiền khoảng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng. Bà đi làm tại Công ty theo giờ hành chính nên có điều kiện để đưa đón con đi học, ngoài ra, bà sống chung với gia đình nên có người phụ giúp trông nom, chăm sóc cháu Hiền.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

+ Về hôn nhân: Ông xác nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị U về thời điểm chung sống, về thời điểm kết hôn là sự thật. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc và tình cảm. Ông không có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác như lời bà U trình bày. Rất nhiều lần, cả hai đã ngồi nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm và cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn giữa hai bên vẫn không được cải thiện. Hiện nay, ông và bà U đã không còn sống chung với nhau. Nay tại Tòa, ông xác định không thể hàn gắn tình cảm được với bà U nên đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị U có 01 con chung tên Nguyễn Sơn Hiền, sinh ngày: 21/10/2010. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con chung.

Thu nhập của ông là khoảng 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng/tháng, ông có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Chi phí hàng tháng của cháu Nguyễn Sơn Hiền vào khoảng 7.000.000 (Bảy triệu) đồng. Ông đi làm giờ hành chính nên cũng có đủ điều kiện để đưa rước con đi học. Trong giai đoạn hôn nhân, ông và bà U sống cùng cha mẹ của ông nên cháu Hiền còn được ông bà nội chăm sóc, môi trường sống đang ổn định nên ông không đồng ý giao con cho bà U nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát quận Thủ Đức trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

- Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của ngU đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngU đơn bà Nguyễn Thị U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận định:

* Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị U xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Nguyễn Văn T hiện đang cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Về nội dung:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị U tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 02 do UBND phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/6/2009. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông T và bà U được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà Nguyễn Thị U yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T, ông T đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên các bên bỏ qua cho nhau những mâu thuẫn trong cuộc sống để hàn gắn hạnh phúc gia

đình nhưng bà U vẫn cương quyết ly hôn vì giữa vợ chồng đã không còn lòng tin, sự chia sẻ và cảm thông. Bà U và ông T đã nhiều lần cùng nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không có tiến triển tốt. Ông T đồng ý ly hôn vì ông cũng không còn tình cảm với bà U. Xét thấy bà U và ông T đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc bà U và ông T thuận tình ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn T xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Sơn Hiền, sinh ngày: 21/10/2010. Bà U và ông T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy ngày 18/4/2018, trẻ Nguyễn Sơn Hiền cung cấp lời khai muốn sống với ba nhưng đến ngày 27/6/2018, trẻ Hiền lại trình bày ý kiến muốn sống với mẹ; bà U và ông T đều có chỗ ở, công việc, thu nhập ổn định, có thời gian và có gia đình phụ giúp trong việc chăm sóc trẻ Hiền. Tuy nhiên, trẻ Hiền còn nhỏ, đang trong giai đoạn cần được sự chăm sóc của người mẹ. Do đó để đảm bảo điều kiện tốt để trẻ phát triển về thể chất, tinh thần nên giao trẻ Nguyễn Sơn Hiền, sinh ngày: 21/10/2010 cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà U không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà U và ông T xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

TU xữ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị U.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 02 do UBND phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/6/2009).

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Sơn Hiền, sinh ngày: 21/10/2010 cho bà Nguyễn Thị U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị U về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Sơn Hiền, sinh ngày: 21/10/2010.

Ông Nguyễn Văn T được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà U và ông T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà U đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 38444 ngày 21/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà U đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Thủ Đức;
- THA DS Q. Thủ Đức;
- TATP;
- Các đương sự;
- UBND phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Nga